

**THE MORNING NEWS**  
BẢN TIN SÁNG 10/01/2023

**KỶ VỌNG CHỈ SỐ TIẾP  
TỤC PHỤC HỒI**

## Quốc tế

- Phố Wall có phiên biến động trái chiều trong phiên giao dịch hôm qua. Chỉ số Dow Jones giảm 112,96 điểm (-0,34%), chỉ số NASDAQ tăng 66,36 điểm (+0,63%) và chỉ số S&P 500 giảm 2,99 điểm (-0,08%). Cổ phiếu của hầu hết các nhóm ngành đều có xu hướng biến động nhẹ cùng xu hướng chung của thị trường, trong đó nhóm cổ phiếu công nghệ tiếp tục đà tăng trong phiên thứ 2 liên tiếp, khi nhà đầu tư cược rằng lạm phát có thể đang hạ nhiệt.
- Chứng khoán châu Âu có diễn biến tăng điểm nhẹ trong ngày giao dịch hôm qua. Chỉ số FTSE 100 (Anh) tăng 25,45 điểm (+0,33%), CAC 40 (Pháp) tăng 46,41 điểm (+0,68%). Trong khi đó, thị trường chứng khoán tại các nước Đông Nam Á hầu hết tăng điểm nhẹ trong phiên giao dịch.
- Giá dầu WTI và Brent tăng lần lượt là 1,17% và 1,37% trong phiên giao dịch hôm qua. Bên cạnh đó giá một số vật liệu cơ bản như sữa, vàng, gas tăng điểm nhẹ.
- Dự trữ ngoại tệ của Trung Quốc tăng 11 tỷ USD trong tháng 12/2022.
- Giá lương thực toàn cầu tăng hơn 14% trong năm 2022.

## Trong nước

- Vnindex có phiên giao dịch tăng điểm nhẹ trong phiên giao dịch hôm qua, tâm lý tốt tiếp tục giúp chỉ số Vnindex giữ được sắc xanh trong gần suốt cả phiên. Kết thúc phiên, Vnindex tăng 2,77 điểm, đóng cửa tại 1054.21 điểm, giá trị giao dịch giảm nhẹ so với phiên trước đó.
- Hầu hết các nhóm ngành đều biến động nhẹ so với phiên trước đó, cổ phiếu một số nhóm ngành tăng điểm gây chú ý trong phiên giao dịch như viễn thông, tài chính. Trong đó, nhiều mã ghi nhận sự chú ý của nhà đầu tư như CTR, VPB, VND.
- Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng nhẹ với giá trị hơn 537,79 tỷ, tập trung mua các cổ phiếu như HPG, FUSSVFL, FUEVFN. Bên cạnh đó, tự doanh tham gia bán ròng nhẹ với 158,09 tỷ đồng.
- Giá vàng thế giới 09/01 tiếp tục tăng, tiến sát 1.900 USD/ounce. Giá vàng trong nước đứng yên, giao dịch trên 67 triệu đồng/ lượng.
- Năm 2022, Tổng kim ngạch Xuất khẩu gạo của Việt Nam ước tính đạt 7,17 triệu tấn, trị giá 3,49 tỷ USD.

## Doanh nghiệp

-  KLB: Ngân hàng TMCP Kiên Long bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Thanh Hường làm Phó Tổng giám đốc từ ngày 5/1/2023 – 14/11/2023.
-  STB: Quỹ Drangon Capital bán 2,5 triệu cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín sau khi nâng tỷ lệ sở hữu lên 6%.
-  BID: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chào bán 4.000 tỷ đồng trái phiếu ra công chúng đợt 2.
-  HVN: Tổng Công ty Hàng không Việt Nam đạt doanh thu trong năm 2022 là 72 nghìn tỷ đồng.
-  BHN: Tổng công ty cổ phần Bia- rượu- nước giải khát Hà Nội nộp ngân sách hơn 4.300 tỷ đồng năm 2022.
-  BWE: CTCP Nước- Môi trường Bình Dương dự chi 251 tỷ đồng tạm ứng cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 13%.
-  PET: CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí sắp phát hành gần 9 triệu cổ phiếu chia cổ tức với tỉ lệ 10%.
-  VPB: Quỹ Dragon Capital mua 3,45 triệu cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng trong phiên giao dịch ngày 4/1/2023.
-  HAH: CTCP Đầu tư Sao Á D.C mua 1,2 triệu cổ phiếu CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An ngày 03/01/2023, nâng tỷ lệ sở hữu lên 8,96%.
-  PAC: CTCP Pin ắc quy Miền Nam dự chi 46,5 tỷ đồng trả cổ tức bằng tiền mặt.

# DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

CHỈ SỐ	10/01/2023	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% YTD
VN INDEX	1.054,21	0,26%	4,68%	0,23%	4,68%
HNX30 INDEX	346,81	-0,99%	4,75%	-7,13%	4,75%
VN30 INDEX	1.061,14	0,35%	5,57%	-0,37%	5,57%
S&P 500	3.892,09	-0,08%	1,37%	-1,07%	1,37%
Dow Jones	33.517,65	-0,34%	1,12%	0,12%	1,12%
Nasdaq	10.635,65	0,63%	1,62%	-3,35%	1,62%
Shanghai Composite	3.176,08	0,58%	2,81%	-0,96%	2,81%
Nikkei 225	26.211,40	0,91%	0,45%	-6,06%	0,45%
Thailand SET	1.691,12	1,03%	1,35%	4,19%	1,35%
Malaysia	1.493,42	0,87%	1,32%	1,10%	-0,14%
Philippine	6.790,24	1,83%	3,41%	3,19%	3,41%
Indonesia JCI	6.688,27	0,06%	-2,38%	-0,40%	-2,37%
FTSE 100	7.724,94	0,33%	3,67%	3,32%	3,67%
DAX	14.792,83	1,25%	5,14%	2,94%	6,24%
CAC 40	6.907,36	0,68%	4,74%	3,44%	6,70%

Nguồn: Bloomberg, VietinBank Securities



## TOP CỔ PHIẾU TĂNG – GIẢM GIÁ

### Top 10 CP tăng nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
VCF	240.700	200	6,98%
SRF	9.680	1.100	6,96%
DHC	36.900	303.000	6,96%
IBC	3.850	638.900	6,94%
HPX	5.020	7.888.700	6,81%
LGL	3.810	605.400	6,72%
DTT	11.400	100	6,54%
SJS	46.900	3.400	6,47%
SPM	14.900	200	6,43%
SRC	21.500	41.800	5,91%

### HNX: Top 10 CP tăng nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
PGT	3.300	17.500	10,00%
VNT	75.000	100	9,81%
VC6	9.000	100	9,76%
TSB	27.100	32.851	9,72%
SMN	13.600	5.400	9,68%
CTB	17.000	600	9,68%
PIA	25.900	100	9,28%
ALT	17.000	5.900	8,97%
SHN	8.700	100	8,75%
GLT	24.400	100	7,96%

### HSX: Top 10 CP giảm nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
LAF	13.300	600	-6,99%
AGM	8.940	236.100	-6,97%
CTF	29.450	1.251.400	-6,95%
L10	18.750	100	-6,95%
STG	37.200	400	-6,53%
PMG	10.500	600	-6,25%
CRE	8.820	241.100	-6,17%
BTT	30.150	100	-6,07%
NLG	28.500	898.300	-5,47%
SC5	17.050	100	-5,28%

### HNX: Top 10 CP giảm nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
BTW	25.900	103	-9,76%
SIC	18.600	100	-9,71%
SJ1	13.400	300	-9,46%
CX8	6.000	300	-9,09%
EBS	8.800	100	-8,33%
SPC	15.000	700	-7,98%
SPI	2.400	91.800	-7,69%
CMS	6.200	11.100	-7,46%
D11	10.600	348	-7,02%
BTS	6.700	7.711	-6,94%

## GIAO DỊCH CỦA KHỐI NGOẠI

**HSX: TOP 10 CP NĐTNN mua và bán ròng nhiều nhất trong ngày (Tr.VND)**

TT	Mã CK	GT Mua ròng	Mã CK2	GT Bán ròng
1	HPG	87.725	BID	22.793
2	CTG	47.134	DGC	21.043
3	FUEVFN30	43.403	FRT	17.379
4	FUESSVFL	38.682	KDH	10.274
5	VCI	37.781	PVT	6.995
6	E1VFN30	35.546	NT2	5.214
7	VNM	34.184	SHB	5.063
8	KBC	26.191	PTB	3.832
9	VRE	23.088	VGC	3.068
10	VHM	20.989	EIB	1.840

**HNX: TOP 10 CP NĐTNN mua và bán ròng nhiều nhất trong ngày (Tr.VND)**

TT	Mã CK	GT Mua ròng	Mã CK2	GT Bán ròng
1	TNG	6.978	IDV	49
2	CEO	2.814	ONE	38
3	IDC	1.224	THD	33
4	PVS	873	IPA	19
5	SHS	856	BTW	3
6	HUT	646	SDT	2
7	PPP	273	QTC	1
8	MBG	187	GIC	1
9	VCS	129	API	0
10	VNR	121	AMV	0

Nguồn: Fiinpro, VietinBank Securities

# CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Mặt hàng	Đơn vị	10/01/2023	%Ngày	% 5 ngày	%Tháng	%YTD
Oil WTI	USD/bbl.	74,63	1,17%	-3,22%	4,83%	-7,24%
Oil Brent	USD/bbl.	79,65	1,37%	-3,36%	4,26%	-7,65%
Thép thanh	CNY/MT	4.100,00	0,74%	1,53%	5,04%	0,46%
Nhôm	USD/MT	2.406,75	6,21%	2,44%	-1,84%	2,44%
Đồng	USd/lb.	402,65	2,95%	6,39%	3,31%	5,16%
Than	USD/MT	393,85	-0,58%	-2,55%	-2,15%	-2,55%
Đường	USd/lb.	19,17	1,11%	-4,34%	-2,19%	-4,34%
Ngô	USd/bu.	652,75	-0,19%	-2,76%	2,72%	-3,91%
Gas	USD/MMBtu	3,91	5,39%	-3,66%	-38,48%	-14,15%
Sữa	USD/cwt	19,70	2,02%	-3,76%	-3,90%	-3,76%
Vàng	USD/t oz.	1.877,80	0,43%	1,58%	3,57%	2,69%
Bạc	USD/t oz.	23,87	-0,46%	-1,94%	0,20%	-1,14%
Lúa Mỳ	USd/bu.	741,50	-0,27%	-4,29%	1,09%	-6,28%
Thịt lợn	USd/lb.	80,80	0,65%	-7,87%	-0,95%	-7,87%
Thép cuộn TQ	CNY/MT	4.165,00	0,34%	0,43%	3,20%	0,43%

## THÔNG BÁO MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Nội dung bản tin này do Công ty cổ phần chứng khoán Công thương (VietinBank Securities) cung cấp, chỉ mang tính chất tham khảo. Mặc dù mọi thông tin đều được thu thập từ những nguồn, tờ báo đáng tin cậy, nhưng VietinBank Securities không đảm bảo được tuyệt đối được độ chính xác của thông tin hay bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc sử dụng bản tin này.

Các ý kiến tổng hợp, dự báo chỉ thể hiện quan điểm của tác giả tại thời điểm phát hành, báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo chứ không mang tính chất mời chào, mua bán, nắm giữ bất cứ cổ phiếu nào. Báo cáo này là tài sản của Công ty cổ phần chứng khoán Công thương (VietinBank Securities).

Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như phân phối báo cáo này vì bất cứ mục đích cá nhân hay thương mại nào nếu không có sự đồng ý của VietinBank Securities.

***Xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn các thông tin trong báo cáo này!***